

CH  NG 2

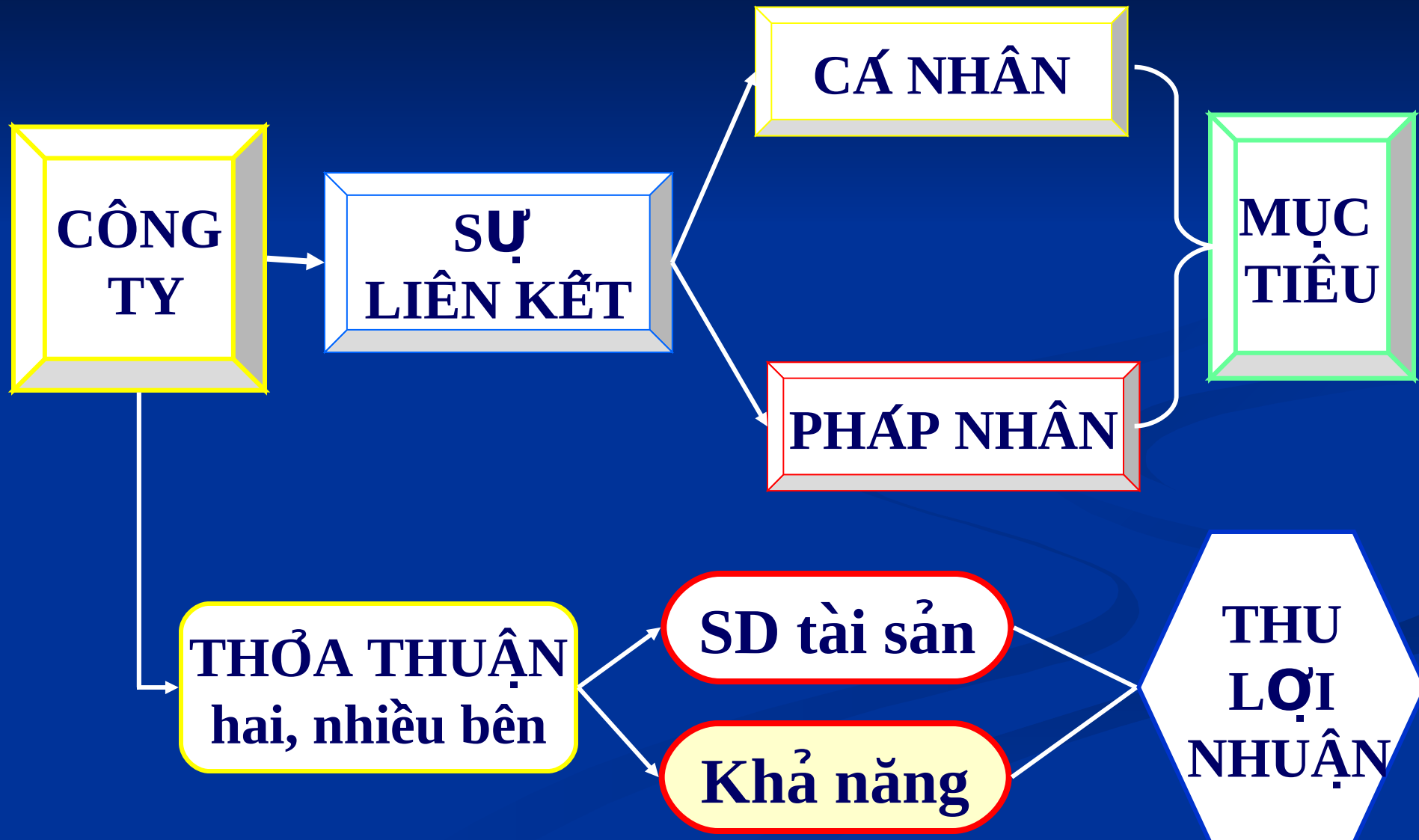
PHÁP LUẬT VỀ CÔNG T

Độc thêm: Luật doanh nghiệp 2005, Nghị định
của Chính phủ số 139/2007/NĐ-CP ngày
5/9/2007

“Hướng dẫn chi tiết thi hành một số Điều của

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Khái niệm công ty.



**Luật Công ty năm 1990
định nghĩa:
Công ty là doanh nghiệp**

**Các thành
viên cùng
góp vốn**

**Cùng chia
nhau lợi
nhuận**

**Cùng chịu
lỗi tương
ứng với
phần vốn
góp**

**Chịu trách
nhiệm về
các khoản
nợ trong
phạm vi
vốn góp**

**SỰ LIÊN KẾT
(THỎA THUẬN)**

**SỰ KIẾN
PHÁP LÝ**

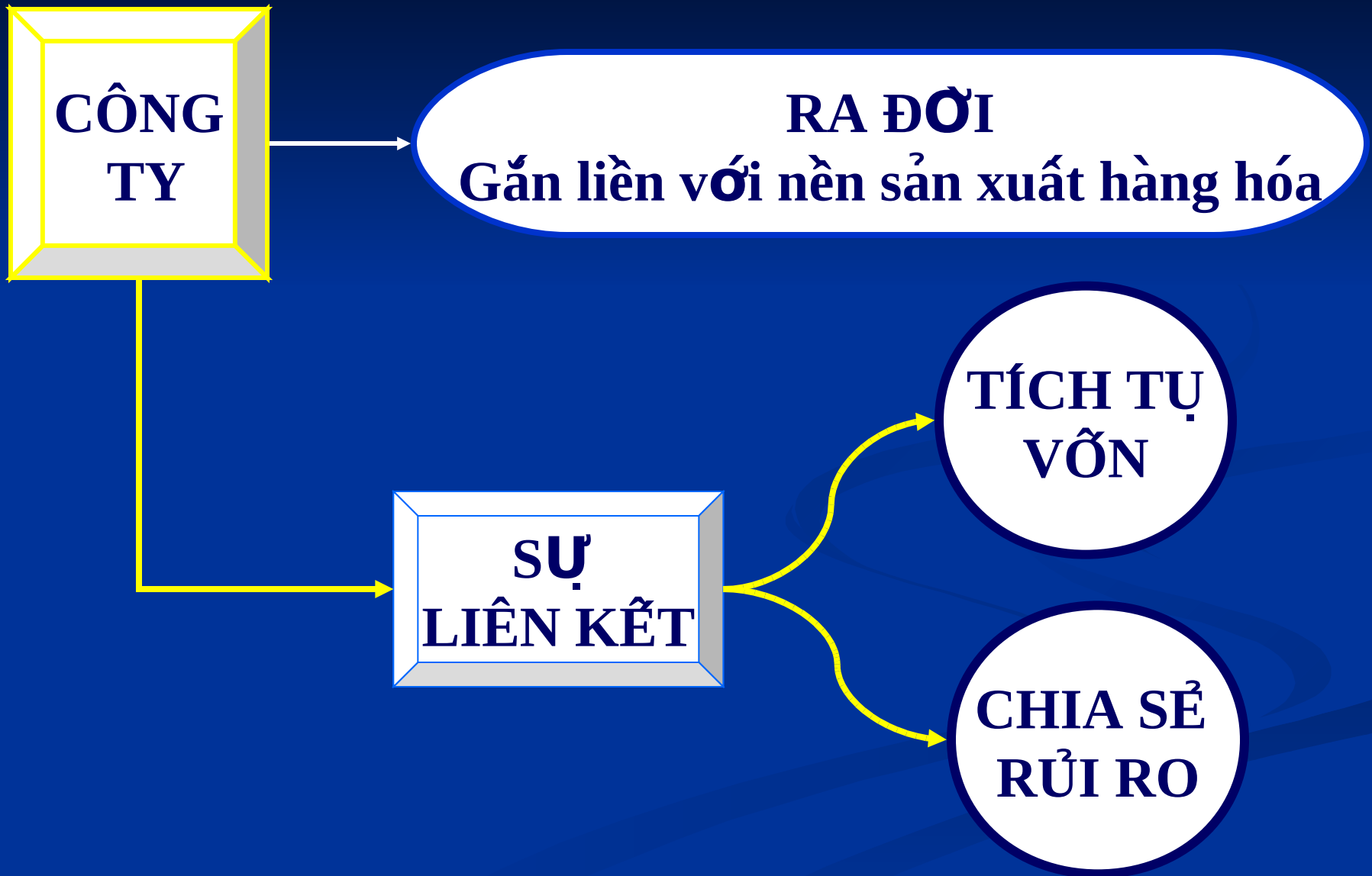
**DẤU HIỆU
CỦA CÔNG TY**

**VỐN GÓP CỦA
THÀNH VIÊN**

**MỤC ĐÍCH
(LỢI NHUẬN)**



2. Khái quát về sự ra đời của công ty.



CÔNG TY RA ĐỜI
Là kết quả của nguyên tắc

**TỰ DO
KINH
DOANH**

**TỰ DO
GIAO
KẾT**

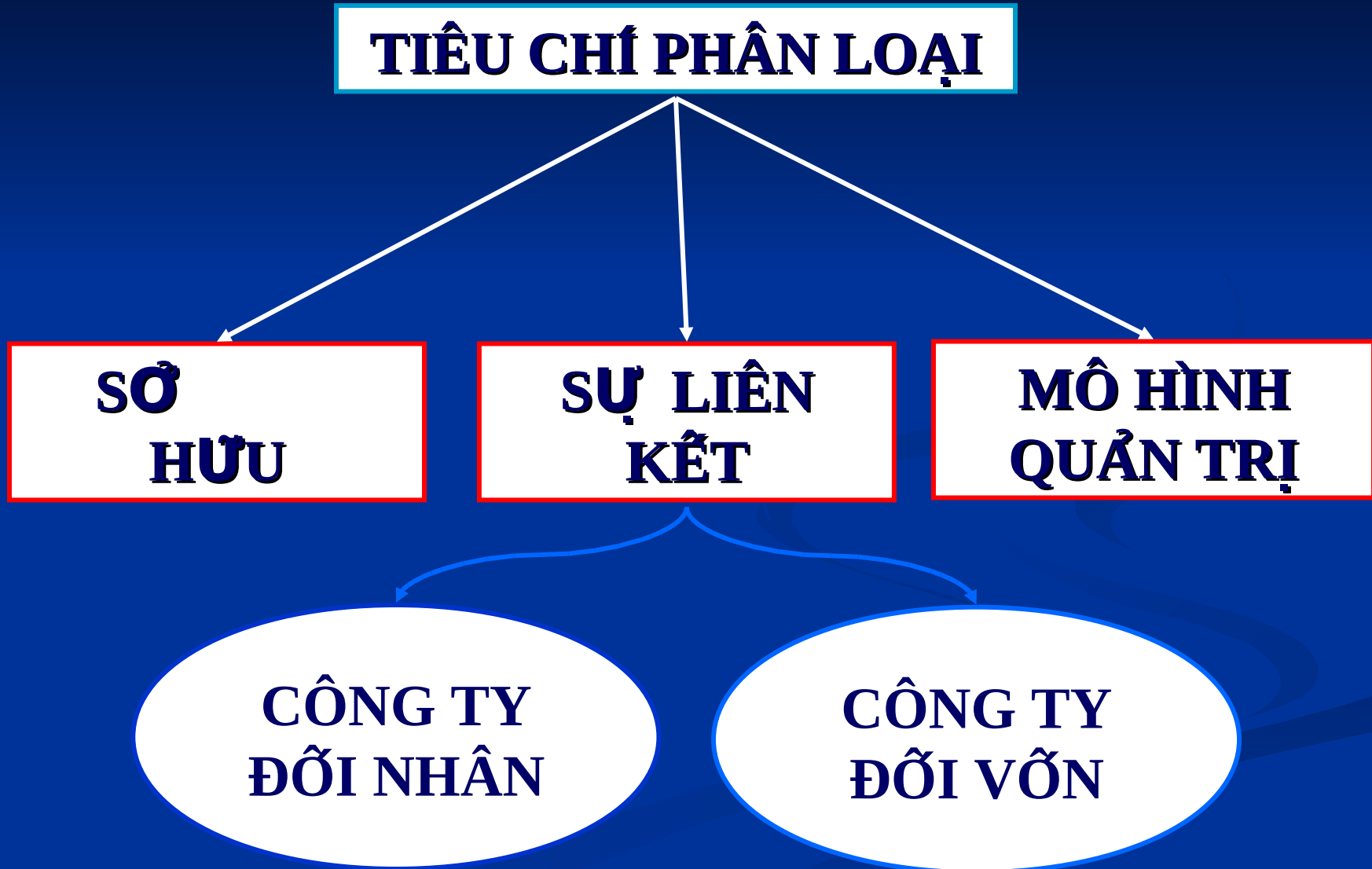
**TỰ DO
LẬP HỘI**

Công ty ra đời vào khoảng thế kỷ XIII ở một số nước châu Âu do điều kiện buôn bán thuận lợi. Tuy nhiên, pháp luật về công ty gắn liền với sự ra đời của CNTB.

Ở Việt Nam, luật công ty ra đời muộn và chậm phát triển. Pháp luật về công ty xuất hiện ở VN vào thời kỳ Pháp thuộc.



3. CÁC LOẠI HÌNH CÔNG TY.



CÔNG TY ĐỐI NHÂN

**Sự liên kết chặt chẽ
bởi độ tin cậy về nhân thân,
sự hùn vốn là yếu tố thứ yếu.**

**TV liên đới chịu trách nhiệm
vô hạn. Công ty thường không
có tư cách pháp nhân.**

**Không có sự tách bạch
về tài sản của thành viên
và tài sản của công ty**

CÔNG TY ĐỐI VỐN

Sự liên kết
giữa các thành viên chủ yếu
dựa trên yếu tố vốn góp

TV chịu trách nhiệm trong
Phạm vi vốn góp. Công ty
có tư cách pháp nhân.

Có sự tách bạch
về tài sản của thành viên
và tài sản của công ty

II. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TY THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM.

1. Thành lập và đăng ký kinh doanh.

Ở các nước, thành lập công ty là quyền của công dân, pháp luật Việt nam đã bước đầu tiếp thu tư tưởng tiến bộ này. Xóa bỏ cơ chế xin cho, chỉ thực hiện đăng ký kinh doanh.

Nội dung này gồm:

- Đối tượng thành lập và góp vốn vào Cty.

- Đăng ký kinh doanh.

a. Quyền thành lập và góp vốn

* Đối tượng có quyền thành lập và quản lý Cty tại Việt Nam:

- Cá nhân Việt Nam
- Cá nhân nước ngoài
- Tổ chức Việt Nam
- Tổ chức nước ngoài

- **Tổ chức, cá nhân không có quyền thành lập & quản lý doanh nghiệp tại VN:**
- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
- Cán bộ, công chức;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng Quân đội;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp Công an;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
- Giám đốc, Tổng giám đốc, Chủ tịch & thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Cty hợp danh, Chủ nhiệm & thành viên Ban quản trị HTX bị Tòa án tuyên bố phá sản (3 năm)

Người quản lý Cty: (K 13, Điều 4 LDN)

- Thành viên hợp danh công ty hợp danh,
- Chủ tịch Hội đồng thành viên,
- Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị,
- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ công ty quy định.

* Đối tượng không được quyền góp vốn vào công ty:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

- Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

b. Đăng ký kinh doanh

Đăng ký kinh doanh là thủ tục do pháp luật quy định nhằm khai sinh về mặt pháp lý cho Cty

Cty chính thức thành lập, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cơ quan đăng ký kinh doanh: Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch & đầu tư

Hồ sơ đăng ký kinh doanh:

1. Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh
2. Dự thảo Điều lệ công ty (trừ doanh nghiệp tư nhân).
3. Văn bản xác nhận vốn pháp định đối với ngành nghề phải có vốn pháp định như kinh doanh vàng bạc đá quý, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán.....
4. Chứng chỉ hành nghề của Giám đốc đối với ngành nghề phải có chứng chỉ hành nghề như chứng khoán, xây dựng, y dược

*** Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu:**

- Ngành, nghề kinh doanh không thuộc ngành, nghề cấm kinh doanh

- Tên doanh nghiệp được đặt đúng theo quy định

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định

- Nộp đủ lệ phí theo quy định.

Trình tự đăng ký kinh doanh:

- Nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh
- Trong 10 ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét hồ sơ & cấp Giấy chứng nhận ĐKKD.
- Nếu từ chối cấp Giấy chứng nhận ĐKKD phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết.

Công bố nội dung đăng ký kinh doanh

Thông tin về sự ra đời và hoạt động của công ty phải được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng sau 30 ngày kể từ ngày thành lập

Thông tin phải công bố bao gồm:

- Tên Cty, trụ sở Cty, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, thành viên sáng lập, người đại diện theo pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

Khi thay đổi tên Cty, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật Cty phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi.

2. Thành viên công ty

* *Hình thành tư cách thành viên Cty:*

- Góp vốn vào công ty
- Mua lại phần vốn góp
- Hưởng thừa kế

* *Mất tư cách thành viên công ty:*

- Chuyển nhượng hết vốn góp
- Chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết

b. Quyền & nghĩa vụ của Thành viên

* Quyền:

- Quyền được định đoạt phần vốn góp
- Quyền được chia lợi nhuận.
- Quyền được chia giá trị tài sản còn lại sau khi thanh lý công ty.
- Quyền bỏ phiếu.
- Quyền được thông tin về hoạt động của Cty.

* Nghĩa vụ:

- Góp vốn theo cam kết.
- Chấp hành Điều lệ công ty.
- Không được rút vốn đã góp khỏi Cty.
- Chịu các khoản lỗ khi công ty kinh doanh thua lỗ.

3. Tổ chức lại công ty.

Các hình thức tổ chức lại Cty:

- Chia
- Tách
- Hợp nhất
- Sáp nhập
- Chuyển đổi doanh nghiệp.

Chia công ty

$A = B + C + \dots$ (A chấm dứt sự tồn tại)

Công ty *trách nhiệm hữu hạn*, công ty *cổ phần* có thể được chia thành một số công ty cùng loại

Công ty bị chia chấm dứt sự tồn tại.

Tách công ty:

$$A = A + B + \dots$$

Công ty *trách nhiệm hữu hạn*, công ty *cổ phần* có thể chuyển một phần tài sản của công ty hiện có để thành lập một hoặc một số *công ty mới cùng loại*.

Hợp nhất công ty:

$$A + B = C$$

A, B chấm dứt sự tồn tại.

Một số công ty *cùng loại* hợp nhất thành một công ty mới bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty hợp nhất

Các công ty bị hợp nhất chấm dứt sự tồn tại.

Sáp nhập công ty:

$$A + B = A$$

$$A + B = B$$

Một hoặc một số công ty cùng loại sáp nhập vào một công ty khác.

Công ty bị sáp nhập chấm dứt sự tồn tại.

Chuyển đổi công ty:

Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể được chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc ngược lại.

4. Giải thể công ty

Giải thể công ty là việc chấm dứt sự tồn tại, hoạt động của công ty.

** Phân loại giải thể:*

- *Giải thể tự nguyện*: theo quyết định của bản thân Cty (Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH; Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;

*** *Giải thể bắt buộc:***

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Cty mà không có quyết định gia hạn;
- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn sáu tháng liên tục;
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5. Quyền và nghĩa vụ của công ty

a. Quyền của công ty.

- Quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản của Cty.

- Quyền chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

- Quyền lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn.

- Quyền chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

- Quyền kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu.

- Quyền tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

- Quyền chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

- Quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

b. Nghĩa vụ của công ty.

- Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực và chính xác.

- Đăng ký kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- *Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.*

- *Định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

- *Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.*

- *Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.*

CÁC LOẠI HÌNH CÔNG TY

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

**ĐẶC
ĐIỂM**

NHIỀU CHỦ SỞ HỮU
Số lượng 2 - 50

Tổ chức

Cá nhân

**CÔNG TY
TNHH 2
THÀNH VIÊN**

**CÓ TƯ CÁCH
pháp nhân độc lập**

THÀNH VIÊN
Chỉ chịu trách nhiệm
trong phạm vi vốn góp

KHÔNG ĐƯỢC
phát hành cổ phiếu

THÀNH VIÊN
Hạn chế chuyển
nhượng vốn

- Thành viên Cty có quyền yêu cầu Cty mua lại phần vốn góp
- Chuyển nhượng, tặng cho người khác

Tổ chức quản lý

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH HĐQT

GIÁM ĐỐC (TGD)

**trên 11
thành viên**

BAN KIỂM SOÁT



* Hội đồng thành viên:

- Bao gồm tất cả thành viên
- Là Cơ quan quyết định cao nhất của

Cty

- Hoạt động theo chế độ tập thể, không thường xuyên

- Họp ít nhất mỗi năm một lần

- Hội đồng thành viên có thể được triệu tập họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên (nhóm thành viên) sở hữu trên 25% vốn điều lệ.

Quyền & nhiệm vụ của Hội đồng thành viên:

- Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Cty
- Tăng, giảm vốn điều lệ
- Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng giám đốc)
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- Phân chia lợi nhuận
- Thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty
- Tổ chức lại công ty; giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

* Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên (Điều 51 LDN)

- Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp đại diện ít nhất 75% vốn điều lệ.

- Nếu lần 1 không thành thì cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai số thành viên dự họp đại diện ít nhất 50% vốn điều lệ.

- Trường hợp lần thứ hai không đủ điều kiện thì họp lần thứ ba và không phụ thuộc số thành viên dự họp.

* Chủ tịch Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch.

Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty.

Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên không quá 3 năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại.

* Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty:

Giám đốc (Tổng giám đốc) Cty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty

Giám đốc (Tổng giám đốc) Cty là người đại diện theo pháp luật của Cty, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên làm người đại diện.

c. Chế độ vốn và tài chính:

- Vốn Điều lệ Cty do các thành viên góp
- Khi góp đủ giá trị phần vốn góp thành viên sẽ được Cty cấp Giấy chứng nhận góp vốn.

Thành viên không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đó đối với công ty.

Sau thời hạn cam kết lần cuối mà vẫn có thành viên chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được xử lý theo một trong các cách sau đây:

+ Một hoặc một số thành viên nhận góp đủ số vốn chưa góp;

+ Huy động người khác cùng góp vốn vào công ty;

+ Các thành viên còn lại góp đủ số vốn chưa góp theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty.

Các biện pháp xử lý vốn trong những trường hợp đặc biệt:

- Trong trường hợp có thành viên là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó sẽ trở thành thành viên của công ty.

- Nếu không có người thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo pháp luật dân sự.

- Trong trường hợp có thành viên sử dụng phần vốn góp của mình để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo hai cách:

- Trở thành thành viên của công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận

- Chuyển nhượng phần vốn góp đó.

Những trường hợp sau Cty sẽ mua lại phần vốn góp của thành viên công ty:

+ Khi người thừa kế không muốn trở thành thành viên của công ty.

+ Người được tặng cho không được Hội đồng thành viên chấp thuận trở thành thành viên.

+ Thành viên là tổ chức bị giải thể hoặc bị phá sản.

2. CÔNG TY TNHH 01 THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

**PHÙ HỢP
MÔ HÌNH KINH
DOANH ?**

**DOANH NGHIỆP
VỪA VÀ NHỎ**
(không quá
10 tỷ; LĐ 300)

**DOANH NGHIỆP
NHÀ NƯỚC LÀ
CHỦ SỞ HỮU 100%**

**CÔNG TY CON
CỦA CÔNG TY MẸ**

CÁ NHÂN
muốn thành lập
công ty kinh doanh
độc lập

CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN

a. Khái niệm:

Cty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là một hình thức đặc biệt của công ty trách nhiệm hữu hạn.

ĐẶC ĐIỂM

MỘT CHỦ SỞ HỮU
Không thuộc K 2,3,4
Đ 13, LDN

Tổ Chức

Cá nhân

**CÔNG TY
TNHH MỘT
THÀNH VIÊN**

**CÓ TƯ CÁCH
pháp nhân độc lập**

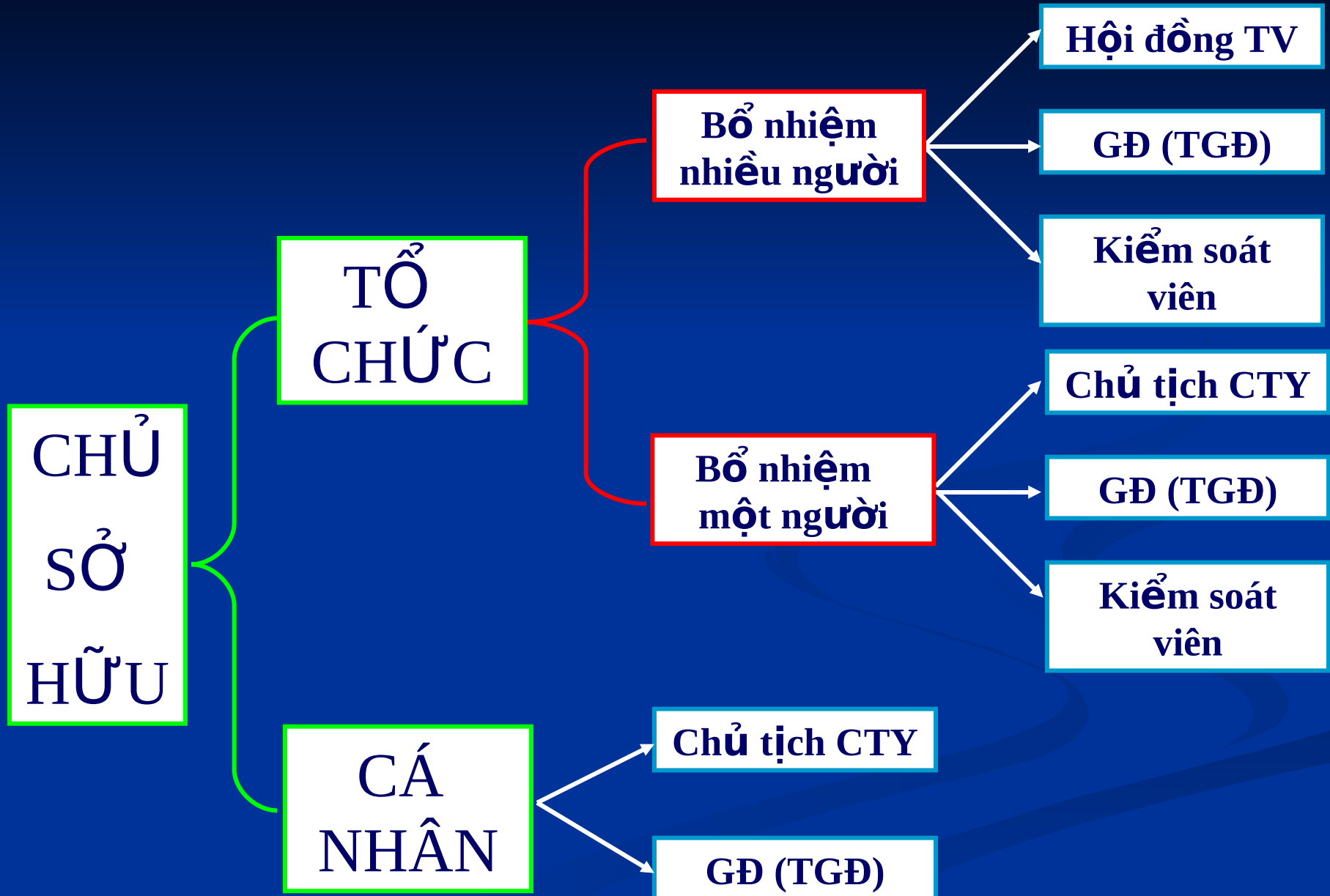
CHỦ SỞ HỮU
Chỉ phải chịu TN
trong phạm vi vốn góp

CHỦ SỞ HỮU
Được quyền chuyển
nhượng vốn

Chủ sở hữu là cá nhân
Phải tách bạch chi
tiêu

KHÔNG ĐƯỢC
phát hành cổ phiếu

b. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty



*** Chủ sở hữu của Cty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức:**

Chủ sở hữu Cty bổ nhiệm một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền với nhiệm kỳ không quá 5 năm để quản lý Cty.

Trường hợp có ít nhất hai người được bổ nhiệm làm đại diện theo uỷ quyền thì cơ cấu tổ chức quản lý của công ty bao gồm:

- Hội đồng thành viên: gồm tất cả người đại diện theo uỷ quyền.
- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc
- Kiểm soát viên;

Trường hợp một người được bổ nhiệm làm người đại diện theo uỷ quyền thì người đó làm Chủ tịch công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty bao gồm:

- Chủ tịch công ty.*
- Giám đốc (Tổng giám đốc)*
- Kiểm soát viên.*

*** Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở là cá nhân**

- Chủ tịch công ty
- Giám đốc (Tổng giám đốc)

Chủ sở hữu Cty đồng thời là Chủ tịch công ty.

- Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc Cty.
- Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch hoặc Giám đốc Cty

c. Vốn và chế độ tài chính

- Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Cty trong phạm vi số vốn điều lệ

- Chủ sở hữu có quyền chuyển nhượng, tặng cho toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ cho Công ty hoặc tổ chức cá nhân khác.

- Cty TNHH 1 thành viên được tăng vốn điều lệ nhưng không được giảm vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐẶC ĐIỂM



- Công ty cổ phần là một tổ chức có tư cách pháp nhân độc lập. Đây là loại hình công ty có tính tổ chức cao, hoàn thiện về vốn, hoạt động mang tính xã hội hóa cao.

- Công ty cổ phần chỉ chịu trách nhiệm đối với mọi khoản nợ bằng tài sản riêng của công ty.

Điều này có nghĩa là công ty chịu trách nhiệm bằng tài sản của chính công ty, các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vốn vào công ty.

- **Ba là, vốn điều lệ của công ty cổ phần được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.**

Đây là đặc trưng rất cơ bản của công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng để công khai huy động vốn.

Do đó, sự ra đời của công ty cổ phần gắn liền với sự ra đời của thị trường chứng khoán. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện dễ dàng thông qua hành vi bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

- **Bổn** là, **Cổ** đōng có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đōng tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa.

Vì vậy, khả năng huy đōng vốn rộng rãi nhất trong công chúng để đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau, nhất là trong công nghiệp.

Đặc trưng quan trọng nhất của công ty cổ phần (đó là đặc tính quyết định để phân biệt với công ty trách nhiệm hữu hạn) đó là cổ phần. Khi một công ty gọi vốn, số vốn cần gọi đó được chia thành nhiều phần nhỏ bằng nhau gọi là cổ phần.

2. Cổ phần – cổ đông; Cổ phiếu – trái phiếu.

Đặc trưng của công ty cổ phần là vốn được chia thành nhiều phần bằng nhau, gọi là cổ phần.

Người mua cổ phần gọi là cổ đông. Cổ đông được công ty cấp một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ) gọi là cổ phiếu - *chứng thư chứng minh quyền sở hữu của một cổ đông đối với một cổ phần trong công ty cổ phần. Cổ đông là người có cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu.*

Cổ đông có những quyền hạn và trách nhiệm với công ty: được chia cổ tức (lợi tức thu được từ cổ phần) theo kết quả kinh doanh, được quyền bầu cử và ứng cử vào bộ máy quản trị và kiểm soát công ty; và phải chịu trách nhiệm về việc thua lỗ hoặc phá sản của công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.

Cổ phiếu (cổ phiếu phổ thông hoặc cổ phiếu ưu đãi) được phát hành lúc thành lập công ty và lúc công ty cần huy động thêm vốn, giá trị ban đầu của cổ phiếu được gọi là mệnh giá (đây chỉ là giá trị danh nghĩa).

Quá trình kinh doanh tùy thuộc vào lợi nhuận và cách phân phối, mệnh giá sẽ tăng lên và ngày càng bỏ xa giá trị ban đầu.

CỔ phiếu có các đặc tính chung sau đây:

- Mỗi cổ phiếu thể hiện giá trị thực tế ban đầu được tính thành tiền gọi là mệnh giá cổ phiếu;

- Cổ phiếu có thể được lưu thông, chuyển nhượng tự do trên thị trường như một thứ hàng hoá.

- Cổ phiếu có thể được thừa kế và làm tài sản thế chấp, cầm cố trong quan hệ tín dụng

- Cổ phiếu thường không có thời hạn, nó tồn tại cùng với sự tồn tại của công ty.

- Cổ đông không được rút vốn ra khỏi công ty.

- Muốn thu lại tiền ban đầu khi mua cổ phiếu cổ đông chỉ có thể bán lại cho người khác và việc bán cổ phiếu được thực hiện trên thị trường chứng khoán.

- **Trái phiếu:** là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.

Công ty chỉ được phát hành trái phiếu khi đã thanh toán đủ cả nợ gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành

Phân loại cổ phần - cổ đông:

** Có hai loại cổ phần:*

- Cổ phần phổ thông

- Cổ phần ưu đãi: cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do điều lệ công ty qui định.

- Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông, người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

Hạn chế đối với cổ đông phổ thông sáng lập

Trong ba năm đầu kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;

Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

(i) Thúc đẩy cổ đông sáng lập phải xem xét cẩn thận trước khi quyết định thành lập công ty để kinh doanh, khắc phục hiện tượng thành lập công ty và quyết định đầu tư theo kiểu “phong trào”, qua đó hạn chế được những đổ bể gây tổn thất cho xã hội;

(ii) Góp phần duy trì sự ổn định cần thiết của công ty trong những năm đầu hoạt động; và

(iii) Tăng thêm sự bảo đảm và niềm tin cho những người tham gia góp vốn sau khi đã đăng ký kinh doanh.

VỀ Q và NV của Cổ đông phổ thông: **Đ 79,**

Cổ phần ưu đãi – Cổ đông ưu đãi.

Cổ phần ưu đãi là loại cổ phần đem lại cho chủ sở hữu nhiều ưu đãi hơn so với cổ phần phổ thông.

Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

- a) *Cổ phần ưu đãi biểu quyết;*
- b) *Cổ phần ưu đãi cổ tức;*
- c) *Cổ phần ưu đãi hoàn lại;*
- d) *Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định.*

Lưu ý: Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông nhưng cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

Tuy nhiên, việc có các loại cổ đông nêu trên **không phải là bắt buộc phải có đầy đủ trong một công ty cổ phần.**

Việc lựa chọn loại cổ phần nào (tương ứng với việc đó là cổ đông sở hữu) là hoàn toàn thuộc thẩm quyền của các cổ đông sáng lập (khi thành lập công ty) và được ghi vào điều lệ gửi cùng hồ sơ đăng ký kinh doanh hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Cổ phần ưu đãi biểu quyết (Đ 81): là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau:

- Có các quyền như cổ đông phổ thông.
- Có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết **nhiều hơn** các cổ đông khác.

Hạn chế đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết là không được chuyển nhượng cổ phần cho người khác.

Trong công ty cổ phần có cổ phần ưu đãi biểu quyết, thì "chỉ có tổ chức được Chính phủ uỷ quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết".

Như vậy, ở đây cổ đông ưu đãi biểu quyết có hai loại:

- (i) Tổ chức được Chính phủ uỷ quyền; và
- (ii) Cổ đông sáng lập;

Với cổ đông ưu đãi biểu quyết là cổ đông sáng lập (sở hữu cả cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi biểu quyết) thì ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển thành cổ phần phổ thông.

Lý do của việc quy định này với cổ đông sáng lập nhằm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết là cũng trong thời hạn đó, các cổ đông sáng lập phải có nghĩa vụ cao hơn đối với công ty; trách nhiệm cao hơn đó phải tương ứng với quyền hạn cao hơn.

Theo đó, cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết "có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ công ty quy định"

Với cổ đông ưu đãi biểu quyết là tổ chức được Chính phủ uỷ quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết;

Quy định này trước hết tạo cơ sở pháp lý cho trường hợp cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước trong đó Nhà nước vẫn duy trì quyền kiểm soát đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hoá;

Cổ phần ưu đãi cổ tức: (Đ 82, 83) Là loại cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm (có cổ tức cố định và cổ tức thưởng).

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau:

- Có các quyền như cổ đông phổ thông.
- Được nhận **cổ tức cao hơn** so với các cổ đông khác

Cổ tức là khoản **lợi nhuận ròng** được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính

- Khi công ty giải thể hoặc phá sản, sau khi thanh toán hết các khoản nợ cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức được ưu tiên nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào công ty.

Mức trả cổ tức: cổ đông ưu đãi cổ tức " được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng.

Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cố tức).

Hạn chế đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức là không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Cổ phần ưu đãi hoàn lại: là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền sau:

- Có các quyền như cổ đông phổ thông.
- Được hoàn lại vốn góp theo yêu cầu.

Hạn chế của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại là không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Việc quy định hai loại cổ phần ưu đãi cổ tức và ưu đãi hoàn lại này là tạo cơ sở pháp lý để công ty cổ phần có thể huy động được vốn đầu tư phân tán từ những người có ít vốn, ít kinh nghiệm quản lý hoặc không có khả năng quản lý kinh doanh.

Đối với nhóm cổ đông này (cổ đông ưu đãi cổ tức và cổ đông ưu đãi hoàn lại), thì với mức cổ tức cao, tính ổn định của thu nhập có được từ việc mua cổ phần và khả năng linh động trong việc rút vốn đầu tư khi có nhu cầu là những điều kiện cần thiết thúc đẩy họ góp vốn đầu tư.

3. Cơ cấu tổ chức quản lý:

Một trong những đặc điểm của công ty cổ phần là quản lý tập trung thông qua cơ cấu hội đồng.

Do số lượng thành viên trong công ty cổ phần không hạn chế cho nên có những trường hợp số lượng thành viên trong công ty lên đến hàng chục hàng trăm người, vì vậy đòi hỏi cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần phải hết sức chặt chẽ.

Cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần bao

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC (TGD)

BAN KIỂM SOÁT

NẾU:
Trên 11 cổ đông
là cá nhân
hoặc có cổ đông là
tổ chức
sở hữu trên 50%
tổng số cổ phần

a. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, là nơi tập hợp tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định một thời hạn khác ngắn hơn.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường trong những trường hợp được triệu tập theo qui định của pháp luật. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam, ít nhất mỗi năm một lần.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, thời hạn này có thể gia hạn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp bất thường:

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày đối với những trường hợp sau:

- *Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;*
- *Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;*
- *Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng ;*
- *Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;*

Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

- Nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Nếu Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

- **Nếu Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông** theo quy định thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông phổ thông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: (Điều 102, Luật DN 2005)

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định của mình dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt hoặc có thể lập bằng tiếng nước ngoài.

b. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 thành viên, không quá 11 thành viên. Các thành viên phải có hộ khẩu thường trú ở Việt Nam.

- Thành viên của Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

- Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết.

Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm quản lý doanh nghiệp.

- Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; *hoặc* cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần (NĐ 139) hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm.

- Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:
Khoản 2, Điều 108 Luật DN 2005.

Thành viên dự họp Hội đồng quản trị.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp lần 1 không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bầu theo Điều lệ công ty qui định.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**c. Giám đốc(Tổng giám đốc) công ty: Đ
116.**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ (cổ đông phải sở hữu 5% cổ phần: NĐ 139) hoặc thuê người khác làm giám đốc.

Trường hợp điều lệ công ty không quy định Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật, thì Giám đốc(Tổng giám đốc) là đại diện theo pháp luật của công ty.

Giám đốc (Tổng giám đốc) là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện công việc được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc *không quá năm năm*; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác. (Tất cả các chức danh còn lại của mọi công ty vẫn được kiêm nhiệm ở công ty khác).

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty. Nếu điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty

d. Ban kiểm soát (Đ. 121 LDN)

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát có từ 3 đến 5 thành viên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Người đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát:

+ Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

+ Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty (K13, điều 4).

Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

- Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:
Điều 123, Luật DN 2005.

4. Chế độ vốn và tài chính:

Công ty cổ phần là loại hình công ty đối vốn, các thành viên trong công ty quan hệ với nhau thông qua quan hệ tài sản.

Người góp vốn chỉ cần mua cổ phần của công ty sẽ trở thành thành viên của công ty.

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần.

Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình hoặc chuyển nhượng cổ phần cho người khác.

- Trình tự chào bán và chuyển nhượng cổ phần: Điều 87 Luật DN 2005.

Chính số lượng cổ đông dễ gia nhập nên việc quản lý vốn và tài chính của công ty cổ phần phải hết sức chặt chẽ và công khai để bảo vệ quyền lợi cho công ty, cho các cổ đông và các chủ nợ, đồng thời nhằm đảm bảo trật tự nền kinh tế.

Hàng năm, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo:

- + Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
- + Báo cáo tài chính;
- + Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo của Hội đồng quản trị.

Công ty cổ phần công khai thông tin của công ty mình bằng cách gửi các báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

V. CÔNG TY HỢP DANH. (Đ 130 – 140)

1. *Khái niệm:*

Theo các nhà nghiên cứu thì công ty hợp danh là loại hình công ty hình thành sớm nhất trên thế giới. Đó là loại hình công ty đặc trưng của công ty đối nhân.

Đây là loại hình tổ chức kinh doanh chưa được pháp luật nước ta trước đây quy định. Kiến thức hiểu biết của chúng ta về loại hình Công ty này cũng còn hạn chế, vì vậy, còn có ý kiến phân vân về sự cần thiết khi áp dụng loại hình Công ty này trong điều kiện nước ta.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy Công ty HD là một trong những loại hình tổ chức kinh doanh đặc trưng của nền kinh tế thị trường đã xuất hiện và phát triển trước Công ty TNHH và Công ty CP.

Công ty HD đã, đang tồn tại và hoạt động ở hầu khắp các nước trên thế giới; trong cộng đồng các nước ASEAN thì Công ty hợp danh đã có ở Thái Lan, Singapore, Phillipine, Malaysia.

Vì vậy, luật pháp hầu hết các nước đều đã có quy định về Công ty hợp danh.

CÔNG TY HỢP DANH

PHÙ HỢP
MÔ HÌNH KINH
DOANH ?

CÔNG TY ĐỐI NHÂN;
CÓ LỊCH SỬ LÂU ĐỜI

HỢP DANH -
CÙNG KINH DOANH
DƯỚI MỘT TÊN
CHUNG VÀ CÙNG
CHỊU TN

CÁ NHÂN
PHẢI CÓ TRÌNH ĐỘ
CHUYÊN MÔN

CUNG CẤP NGÀNH,
NGHỀ, DỊCH VỤ CÓ
TRÁCH NHIỆM
CAO

Thực tế thời gian qua cho thấy, một số loại dịch vụ (tư vấn pháp lý, khám, chữa bệnh; thiết kế kiến trúc...) mà người tiêu dùng không thể kiểm tra được chất lượng của nó trước khi sử dụng nhưng lại có ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng.

Do đó, pháp luật nói chung thường đòi hỏi tên Công ty HD phải đặt theo tên của thành viên.

Đó là những thông tin hết sức cần thiết cho khách hàng. Vì vậy, chúng ta có thể thấy hầu hết tên Công ty HD ở các nước đều mang tên TV sáng lập.

Như chúng ta đều biết, trong Công ty TNHH và Công ty CP; vốn bằng tiền là yếu tố quyết định chi phối việc phân chia quyền và lợi trong Công ty.

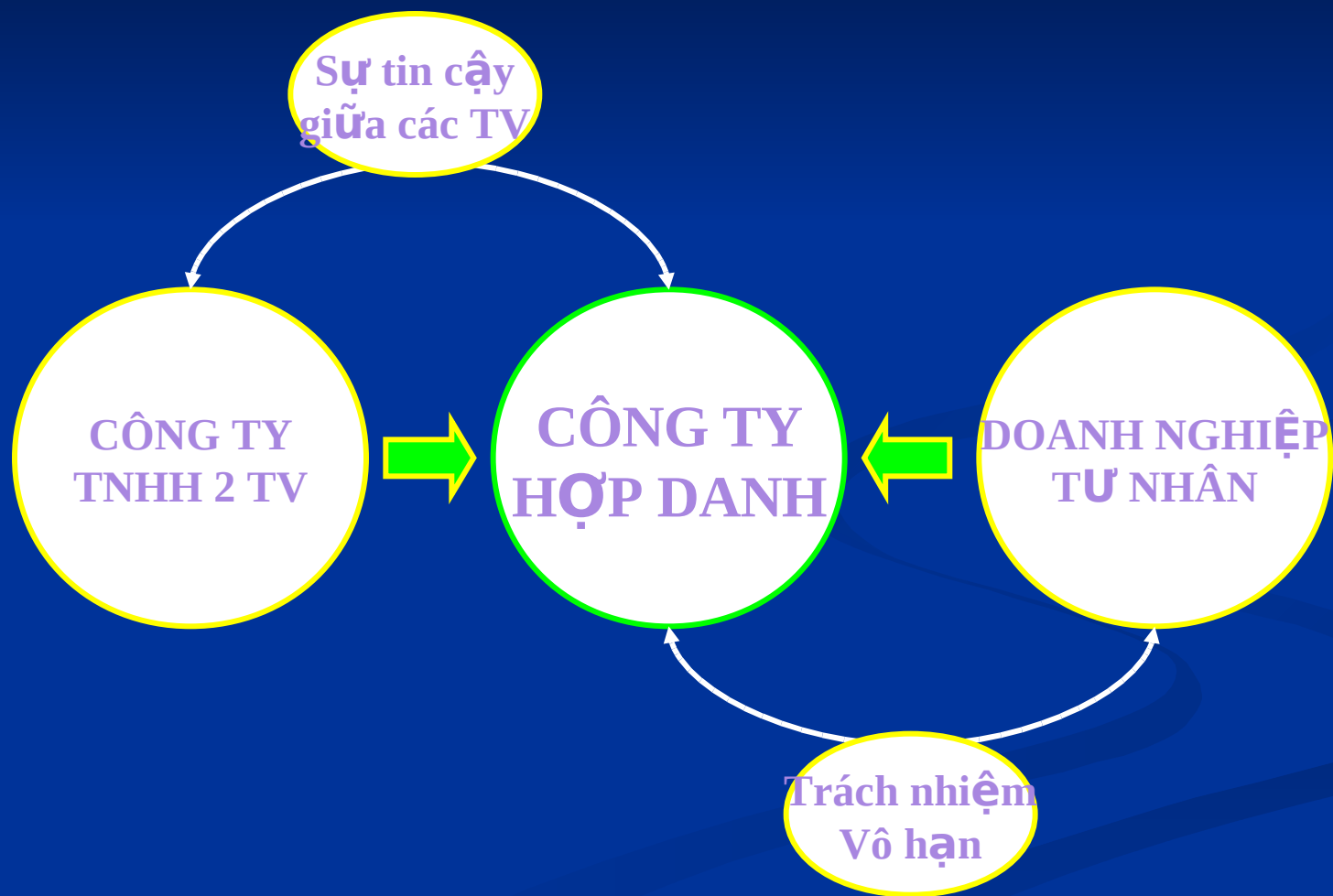
Các nguồn vốn khác, đặc biệt là trình độ chuyên môn và uy tín khác không được tính đến. Mặc dù, trong một số ngành, nghề kinh doanh, đặc biệt là các ngành cung ứng dịch vụ thì *vốn bằng trí tuệ và trình độ chuyên môn mới là yếu tố quyết định để tạo ra lợi nhuận, nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của DN trên thị trường.*

Vì vậy, những người có chuyên môn và uy tín cao nhưng ít vốn thường phải chịu thiệt thòi nếu họ tham gia vào hai loại hình Công ty nói trên.

Ngay trong những nhà chuyên môn thì trình độ của họ của họ cũng không giống nhau, vì vậy, khi cùng nhau góp vốn thành lập DN để kinh doanh, những người có trình độ chuyên môn và uy tín cao thường có địa vị, quyền hạn và quyền lợi cao hơn so với thành viên khác.

Chính Công ty HD là loại hình DN giải quyết được mâu thuẫn và phù hợp với hoàn

Có thể nói Công ty HD là loại hình DN nằm giữa DNTN và Công ty TNHH.



Công ty HD là doanh nghiệp trong đó:

Phải có ít nhất hai thành viên hợp danh(TVHD) là cá nhân có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của Công ty, ngoài các TVHD có thể có thành viên góp vốn (TVGV) chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi số vốn góp vào Công ty.

Công ty HD không được quyền phát hành bất kỳ loại chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) nào.

ĐẶC ĐIỂM

2 Cá nhân
TV hợp danh

NHIỀU
CHỦ SỞ HỮU
Ít nhất phải có 2
cá nhân là
TVHD

Tổ Chức,
cá nhân
TVGV

THÀNH VIÊN
Hợp danh chịu trách
nhiệm vô hạn

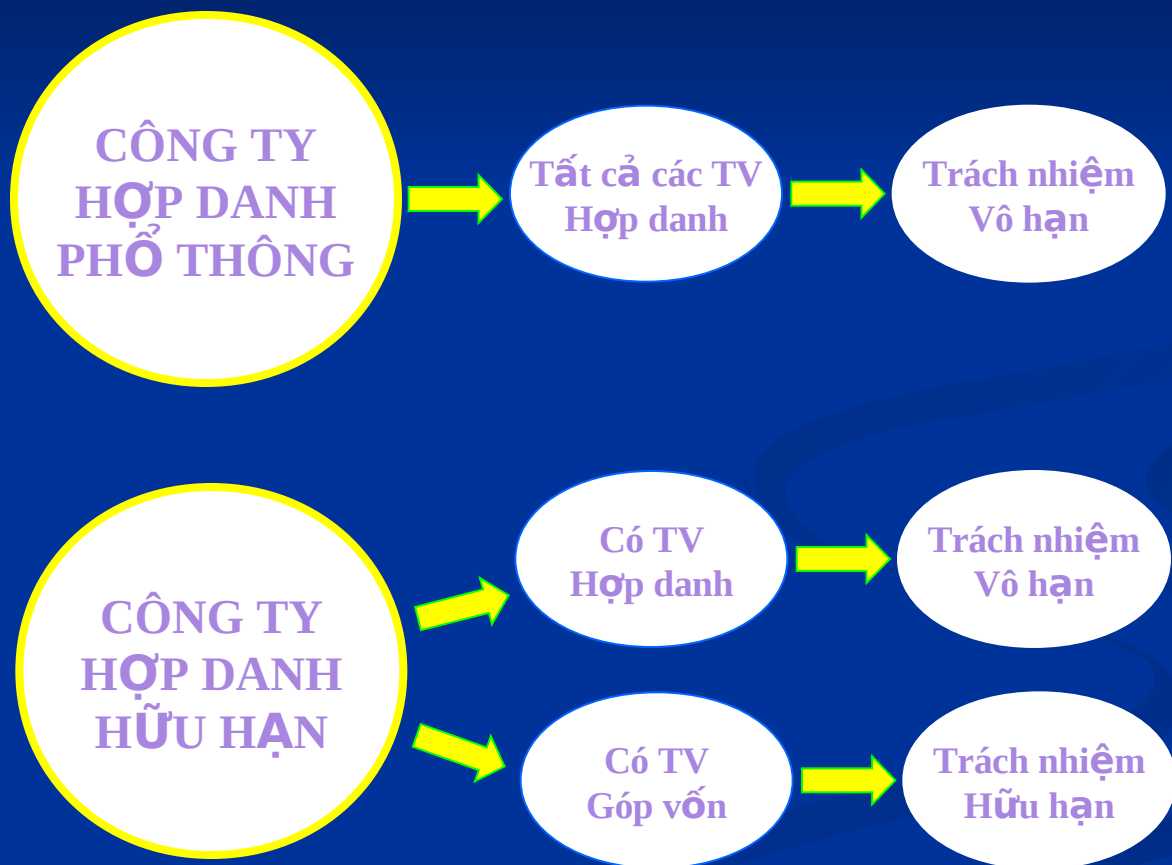
CÔNG TY
HỢP DANH

THÀNH VIÊN
Góp vốn chịu trách
Nhiệm hữu hạn

KHÔNG ĐƯỢC
phát hành
chứng khoán

CÓ TƯ CÁCH
pháp nhân độc lập

Người ta chia công ty hợp danh thành hai loại công ty hợp danh phổ thông và công ty hợp danh hữu hạn:



Tuy nhiên, ở nước ta trong một số lĩnh vực pháp luật chỉ cho phép thành lập công ty hợp danh chỉ có thành viên hợp danh, không có thành viên góp vốn. Ví dụ như: Công ty hợp danh luật.

Như vậy, công ty hợp danh là một dạng của công ty đối nhân có ít nhất hai thành viên hợp danh, ngoài ra có thể có thành viên góp vốn.

Khác biệt truyền thống: Công ty hợp danh theo LDN 2005 có tư cách nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên hợp danh, thành viên góp vốn.

a. Quyền và nghĩa vụ của TV hợp danh.

Thành viên hợp danh có các quyền sau đây:

- Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề của công ty; mỗi thành viên hợp danh có một phiếu biểu quyết hoặc có số phiếu biểu quyết khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Nhân danh công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký; đàm phán và ký kết hợp đồng, thoả thuận hoặc giao ước với những điều kiện mà thành viên hợp danh cho là có lợi nhất cho công ty.

- Sử dụng con dấu, tài sản của công ty để hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký.

- Yêu cầu công ty bù đắp thiệt hại từ hoạt động kinh doanh trong thẩm quyền nếu thiệt hại đó xảy ra không phải do sai sót cá nhân của chính thành viên đó;

- Yêu cầu công ty, thành viên hợp danh khác cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty; kiểm tra tài sản, sổ kết toán và các tài liệu khác của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết;

- Được chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận quy định tại Điều lệ công ty;

- Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được chia một phần giá trị tài sản còn lại theo tỷ lệ góp vốn vào công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác;

- Trường hợp thành viên hợp danh chết thì người thừa kế được hưởng phần giá trị tài sản tại công ty sau khi đã trừ đi phần nợ thuộc trách nhiệm của thành viên đó. Người thừa kế có thể trở thành thành viên hợp danh nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận.

Thành viên hợp danh có các nghĩa vụ sau đây:

- Tiến hành quản lý và thực hiện công việc kinh doanh một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty và tất cả thành viên;

- Tiến hành quản lý và hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng thành viên; nếu gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại;

- Không được sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản đã nhận và bồi thường thiệt hại gây ra đối với công ty trong trường hợp nhân danh công ty, nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để nhận tiền hoặc tài sản khác từ hoạt động kinh doanh các ngành, nghề đã đăng ký của công ty mà không đem nộp cho công ty.

- Liên đới chịu trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại của công ty nếu tài sản của công ty không đủ để trang trải số nợ của công ty;

- Chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp vào công ty hoặc theo thoả thuận quy định tại Điều lệ công ty trong trường hợp công ty kinh doanh bị lỗ.

- Định kỳ hàng tháng báo cáo trung thực, chính xác bằng văn bản tình hình và kết quả kinh doanh của mình với công ty; cung cấp thông tin về tình hình và kết quả kinh doanh của mình cho thành viên có yêu cầu.

b. Quyền và nghĩa vụ của TV góp vốn

Thành viên góp vốn có các quyền sau đây:

- Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng thành viên về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, sửa đổi bổ sung các quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn, về tổ chức lại và giải thể công ty và các nội dung khác của Điều lệ công ty có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ.

- Được chia lợi nhuận hàng năm tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ công ty;

- Được cung cấp báo cáo tài chính hàng năm của công ty; có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về tình hình và kết quả kinh doanh của công ty; xem xét sổ kế toán, sổ biên bản, hợp đồng, giao dịch, sổ sở và tài liệu khác của công ty;

- Chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác;

- Nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác tiến hành kinh doanh các ngành, nghề đã đăng ký của công ty;

- Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách để thừa kế, tặng cho, thế chấp, cầm cố và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; trường hợp chết hoặc bị Tòa tuyên bố là đã chết thì người thừa kế thay thế thành viên đã chết trở thành viên góp vốn của công ty.

- Được chia một phần giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ công ty khi công ty giải thể hoặc phá sản;

Thành viên góp vốn có các nghĩa vụ sau đây:

- Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp.
- Không được tham gia quản lý công ty, không được tiến hành công việc kinh danh nhân danh công ty.
- Tuân thủ Điều lệ, nội quy công ty và quyết định của Hội đồng thành viên.

Hạn chế đối với quyền của TV hợp danh.

- Thành viên hợp danh không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác, trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại.

- Thành viên hợp danh không được quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty đó để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Thành viên hợp danh không được quyền chuyển một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác nếu không được sự chấp thuận của các thành viên hợp danh còn lại.

3. Cơ cấu tổ chức



a. Hội đồng thành viên.

Hội đồng thành viên là tất cả các thành viên của công ty, có quyền quyết định tất cả công việc kinh doanh của công ty.

Hội đồng thành viên phải bầu một thành viên hợp danh làm chủ tịch hội đồng thành viên.

Chủ tịch hội đồng thành viên đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

Thành viên hợp danh có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để thảo luận và quyết định công việc kinh doanh của công ty.

Thành viên yêu cầu triệu tập họp phải chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu họp.

Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có ít nhất $\frac{2}{3}$ tổng số thành viên hợp danh chấp thuận. Trường hợp quyết định những vấn đề quan trọng như: *Phương hướng phát triển công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty...* thì phải có sự chấp thuận của ít nhất $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên hợp danh

b. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc có các nhiệm vụ sau đây:

+ *Quản lý và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty với tư cách là thành viên hợp danh;*

+ *Triệu tập và tổ chức họp Hội đồng thành viên; ký các quyết định hoặc nghị quyết của Hội đồng thành viên;*

+ Phân công, phối hợp công việc kinh doanh giữa các thành viên hợp danh; ký các quyết định về quy chế, nội dung và cá công việc tổ chức nội bộ khác của công ty;

+ Tổ chức sắp xếp, lưu giữ đầy đủ và trung thực sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và các tài liệu khác của công ty theo quy định của pháp luật;

+ Đại diện cho công ty trong quan hệ với cơ quan Nhà nước; đại diện cho công ty với tư cách là bị đơn hoặc nguyên đơn trong các vụ kiện, tranh chấp thương mại hoặc các tranh chấp khác;

c. Điều hành kinh doanh của công ty hợp danh.

- Tất cả các thành viên hợp danh đều có quyền đại diện cho công ty trước pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

Mọi hạn chế đối với thành viên hợp danh trong thực hiện công việc kinh doanh hàng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó.

- Trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, thành viên hợp danh phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty.

Khi một hoặc tất cả các thành viên hợp danh cùng thực hiện một số công việc kinh doanh thì quyết định thông qua theo nguyên tắc đa số.

- Hoạt động do thành viên hợp danh thực hiện ngoài phạm vi hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký của công ty đều không thuộc trách nhiệm của công ty, trừ trường hợp hoạt động đó đã được các thành viên còn lại chấp thuận.

***Chấm dứt tư cách thành viên hợp danh:
(Điều 138, Luật DN 2005)***

Tư cách thành viên hợp danh chấm dứt khi:

- + *Tự nguyện rút vốn khỏi công ty;*
- + *Chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết;*
- + *Bị Tòa án tuyên bố là mất tích, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự;*
- + *Bị khai trừ khỏi công ty;*